

Số: /BC-UBND Trà Giang, ngày tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO
Tình hình sinh vật gây hại cây trồng
(Từ ngày 12 tháng 8 đến ngày 18 tháng 8 năm 2025)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Nhiệt độ trung bình: Cao nhất: Thấp nhất:

Độ ẩm trung bình: Cao nhất: Thấp nhất:

Lượng mưa tổng số: Số giờ nắng tổng số:

Thời tiết bất thường trong kỳ (nếu có): Trời nắng nóng, nhiệt độ cao, thỉnh thoảng có mưa vài nơi.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo cấy (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
Hè Thu 2025	Sớm	chín	21	
	Chính vụ	Ngâm sữa- chắc xanh	577,1	
	Muộn	trỗ-trỗ đều	51	
	Tổng:		649,1	
.....	Sớm			
	Chính vụ			
	Muộn			
	Tổng:			
Tổng các vụ:				

* Các giai đoạn sinh trưởng chủ yếu: Lúa mới gieo, cấy (từ mới gieo - trước đẻ nhánh); đẻ nhánh; làm đồng; đồng già - trỗ; ngâm sữa - chắc xanh; chín; thu hoạch.

b) Cây trồng khác

Nhóm/ loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
- Ngô (bắp):	Nhiều GDST	180
- Cây lấy củ:		
- Nhóm cây có dầu:		
- Cây rau các loại:	Nhiều GDST	166,4

Cây trồng bị ảnh hưởng	Diện tích bị ảnh hưởng và khắc phục (ha)				
	Giảm NS 30-70%	Mất trắng (>70%)	Đã gieo cây lại	Đã trồng cây khác	Để đất trống

Loại bẫy:(*bẫy đèn, bẫy bả, bẫy gió, ...*)

Loài côn trùng	Số lượng trưởng thành/bầy						
	Đêm...	Đêm...	Đêm...	Đêm...	Đêm...	Đêm...	Đêm...
	Không theo dõi bầy đèn						

a) Số liệu điều tra phát dục của SVGH

[illegible]

b) Số liệu điều tra ký sinh của SVGH

[illegible]

III. TÌNH HÌNH SVGH CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I.a	Cây lúa – trà sớm (chín)					
1	Chuột	2,5	10		TT	HTX Quyết Thắng, Phú Thọ 1
2	Bệnh Khô vằn	10	30		C3-5	HTX Quyết Thắng, Phú Thọ 1
3	Bệnh đen lép hạt	5	10		C1-3	HTX Quyết Thắng, Phú Thọ 1
4	Rầy nâu- RLT	1000	2000		T2-3	HTX Quyết Thắng, Phú Thọ 1
I.b	Cây lúa – trà chính vụ (ngâm sữa- chắc xanh)					
1	Chuột	2,5	15		TT	Toàn xã
2	Bệnh Khô vằn	10	50		C1-7	Toàn xã
3	Rầy nâu- RLT	1000	2000		T2-3	Toàn xã
4	Bệnh chết héo	5	10		C1-3	HTX Đông Thắng
5	Bệnh đen lép hạt	5	10		C1-3	HTX Đông Thắng
I.c	Cây lúa- trà muộn (trổ- trổ đều)					
1	Chuột	2,5	10		TT	HTX Đông Thắng, Quyết Thắng
2	Bệnh Khô vằn	10	30		C1-5	HTX Đông Thắng, Quyết
3	Rầy nâu- RLT	1000	2000		T2-3	HTX Đông Thắng, Quyết
II	Cây Sắn (phát triển củ non)					
1	Bệnh khảm lá do virus	2,5	20		C5-9	Toàn xã
III	Cây lâm nghiệp: Cây Keo từ 1 – 3 năm tuổi					
1	Bệnh chết cây	5	20		C3-5	Toàn xã

2. Diện tích nhiễm SVGH chủ yếu

TT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I.a	Cây lúa -- trà sớm (chín)							
1	Chuột	4	2	1		7	2	HTX Quyết Thắng, Nghĩa Thọ
2	Bệnh Khô vằn	8	5	4		17	17	HTX Quyết Thắng, Nghĩa Thọ
3	Bệnh đen lép hạt	2				2	2	HTX Quyết Thắng, Nghĩa Thọ
4	Rầy nâu- RLT	2				2	2	HTX Quyết Thắng, Nghĩa Thọ
I.b	Cây lúa - trà chính vụ (ngâm sữa- chắc xanh)							
1	Chuột	7	3	2		12	2	Toàn xã
2	Bệnh Khô vằn	6	3	3		12	12	Toàn xã
3	Rầy nâu- RLT	2				2	2	Toàn xã
4	Bệnh chết héo	1				1	1	HTX Đông Thắng
5	Bệnh đen lép hạt	2				2	2	HTX Đông Thắng

I.c	Cây lúa- trà muộn (trở- trở đều)							
1	Chuột	4	2	2		8	2	HTX Đông Thắng, Quyết Thắng
2	Bệnh khô vằn	6	2	3		13	13	HTX Đông Thắng, Quyết Thắng
II	Cây Sắn (phát triển củ non)							
1	Bệnh khảm lá do	10	13	187		210	-	Toàn xã
III	Cây lâm nghiệp: Cây Keo từ 1 – 3 năm tuổi							
1	Bệnh chết cây	5	2	3		10	-	Toàn xã

3. Nhận xét tình hình SVGH trong kỳ

Nhận xét, đánh giá khái quát tình hình của một số SVGH nặng hoặc có dự báo sẽ bùng phát trong kỳ tới:

3.1. Trên cây lúa:

- **Trà lúa sớm, chính vụ:** Chuột, bệnh khô vằn, Rầy nâu- RLT, Bệnh đen lép hạt, Bệnh chết héo phát sinh gây hại trên lúa giai đoạn từ ngâm sủ- chắc xanh đến đỏ đuôi.

- **Trà muộn:** Chuột, bệnh khô vằn phát sinh gây hại trên lúa giai đoạn từ trở- trở đều.

3.2. Trên cây Bắp:

3.3. Trên cây rau màu, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp

- Cây sắn: Bệnh khảm lá do virus gây hại trên cây sắn giai đoạn phát triển củ non.

- Cây Keo: Hiện nay bệnh chết cây phát sinh gây hại cục bộ, rải rác ở giai đoạn cây từ 1-3 năm tuổi.

VI. DỰ BÁO SVGH VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo SVGH chủ yếu trong kỳ tới

1.1. Trên cây lúa:

Dự báo Chuột, bệnh khô vằn, Rầy nâu- RLT, bệnh đen lép hạt, bệnh chết héo phát sinh gây hại trên lúa từ giai đoạn ngâm sủ đến chắc xanh.

1.2. Trên cây bắp:

1.3. Trên cây rau màu, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp

- Cây sắn: Dự báo bệnh khảm lá do virus gây hại trên cây sắn giai đoạn phát triển củ non.

- Cây Keo: Dự báo bệnh chết cây phát sinh gây hại giai đoạn cây keo từ 1-3 năm tuổi.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ SVGH chủ yếu trong kỳ tới

Để hạn chế thiệt hại do sinh vật gây hại gây ra đối với sản xuất nông nghiệp vụ Hè thu 2025. Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công đề nghị các thôn, HTXNN và bà con nông dân thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, thực hiện tốt một số biện pháp phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu ở giai đoạn này như:

- **Đối với chuột:** Tuyên truyền, hướng dẫn nông dân thường xuyên diệt chuột bằng nhiều biện pháp trong đó chủ yếu áp dụng biện pháp thủ công, bẫy cơ học, ưu tiên dùng các loại thuốc có nguồn gốc sinh học diệt chuột như: Racumin 0,75TP, Ratmiu 0.75TP, Bromax 0,005AB... hoặc sử dụng các loại thuốc khác có trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng ở Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành, để hạn chế chuột gây hại làm ảnh hưởng đến năng suất cây trồng.

- **Đối với Rầy nâu- rầy lưng trắng:** Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, nếu có mật độ rầy từ 2-3con/dảnh lúa trở lên. Dùng một trong các loại thuốc sau phun trừ như: Chess50WG, Map Arrow 420WP, Azorin 400WP ...

Chú ý:

- Khi phun thuốc trừ rầy phải giữ nước trong ruộng từ 5-7cm. Phun thuốc phải ướt đầm cả thân, gốc lúa.

- Sau khi phun thuốc từ 4- 5 ngày kiểm tra lại ruộng lúa, nếu mật độ rầy con cao thì phun lại lần 2 bằng một trong các loại thuốc trên.

- **Đối với bệnh khô vằn:** Những ruộng lúa có tỷ lệ bệnh hại cao, ảnh hưởng đến sinh trưởng cây lúa, dùng một trong các loại thuốc sau phun trừ như: Validacin 3SL, Valy 3SL, Anvil 5SC, Validan 3SL...

- **Đối với bệnh lem lép hạt:** Những chân ruộng bắt đầu trổ bông, cây lúa còn xanh tốt. Nên phun phòng bằng một trong các loại thuốc: Tilt super 300EC, Aviso 350SC, Nevo 330EC...

- **Đối với bệnh chết héo:** Thường xuyên kiểm tra ruộng lúa, vạch kỹ phần gốc lúa để quan sát, nhất là những ruộng vụ trước đã bị bệnh, ruộng chua phèn. Nhỏ ngẫu nhiên một số dảnh lúa, rửa sạch và kiểm tra phần thân sát mặt đất, nếu phát hiện vết bệnh màu nâu đen chiếm tỉ lệ từ 5 -10% số cây kiểm tra thì sử dụng một trong các loại thuốc như Anti-xo 200WP, Xantocin 40WP, Alonil 80WP, Starner 50WP,... phun trừ, nên phun lại lần thứ 2 cách lần phun thứ 1 từ 5-7 ngày.

* **Chú ý:** Khi phun thuốc trừ bệnh chết héo phải rút cạn nước, phun thuốc kỹ vào phần gốc lúa, sau khi phun thuốc khoảng 2-3 ngày cho nước vào ruộng bình thường. Đối với chân ruộng không rút cạn được nước thì cần duy trì mực nước từ 5-7cm đến khi lúa chín để tận dụng ưu thế các rễ phụ trong việc hút dinh dưỡng nuôi hạt.

- Đối với bệnh khảm lá do virus hại sắn

Hiện nay chưa có thuốc để trừ bệnh virus khảm lá sắn, do vậy ngay từ đầu vụ nên chọn giống sạch bệnh để làm giống. Sau khi trồng thường xuyên kiểm tra

ruộng sản nếu phát hiện cây con có biểu hiện bị bệnh cần thiết phải nhổ bỏ và tiêu hủy ngay, sau đó trồng dặm lại để đảm bảo mật độ cây.

Khi cây bắt đầu phát triển thân lá thường xuyên kiểm tra phòng trừ môi giới truyền bệnh là bộ phận trắng bằng một trong các loại thuốc có hoạt chất: Dinotefuran, Nitenpyram,.. (có tên thương phẩm: Tenchu pro 350WP, Super king 500SL, Nitop 35 OD, Osago 80WG,...) để hạn chế nguồn lây.

Thực hiện tưới nước, bón phân cân đối, đầy đủ và đúng giai đoạn sinh trưởng để cây sản sinh trưởng, phát triển tốt, tăng cường sức đề kháng, giảm thiệt hại đến năng suất và hàm lượng tinh bột.

- Đối với bệnh chết cây keo: Thường xuyên điều tra theo dõi diễn biến của bệnh, áp dụng tổng hợp các biện pháp như vệ sinh vườn keo, tỉa cành, khơi thông mương rãnh thoát nước, chặt những cây bị bệnh đem đi tiêu hủy, sử dụng vôi nông nghiệp xử lý đất tại các vị trí cây bị bệnh để tiêu diệt mầm bệnh.

Đối với công tác trồng mới phải chọn cây giống khỏe, trồng đúng mật độ, thực hiện luân canh cây trồng phù hợp.

Đối với các thôn trên địa bàn xã, cần theo dõi, nắm bắt thông tin tình hình sinh vật gây hại tại thôn và thông báo, hướng dẫn khi có bệnh xảy ra theo khuyến cáo của ngành chức năng để nông dân phòng trừ kịp thời có hiệu quả.

Đối với bà con nông dân, thường xuyên kiểm tra cây trồng của mình nếu thấy mật độ, tỷ lệ cao thì tổ chức phòng trừ các đối tượng sinh vật gây hại trên cây trồng.

Lưu ý: Bà con nông dân chỉ phòng trừ các đối tượng sinh vật gây hại như trên khi thật sự cần thiết. Tránh lạm dụng thuốc BVTV vì làm tăng chi phí sản xuất, gây ô nhiễm môi trường sống, mất cân bằng hệ sinh thái đồng ruộng và làm tăng dư lượng thuốc BVTV tồn dư trong nông sản./.

Trên đây là báo cáo tình hình sinh vật gây hại cây trồng từ ngày 12 tháng 8 đến ngày 18 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Trà Giang./.

Nơi nhận:

- Chi cục TT, BVTV và QLCL;
- TT ĐU; TT HĐND;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung tâm cung ứng DVC xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Sinh Quân

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỄM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY TRỒNG CHỦ LỰC TRONG KỲ

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)				Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ	TB	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Cây lúa									
1	Chuột	50	26	19		95	+5		14	Toàn xã
2	Bệnh khô vằn	52	38	29		119	-15		119	Toàn xã
3	Rầy nâu- RLT	2				2	+2		2	Toàn xã
4	Bệnh đen lép hạt	4				4	+2		4	An Tây, An Tráng, Thôn 6,...
5	Bệnh chết héo	2				2	+2		2	HTX Đông Thắng
II	Cây sắn									
1	Bệnh khảm lá sắn	10	13	187		210	+2		-	Toàn xã
III	Cây keo									
1	Bệnh chết cây keo	5	2	3		10	+3		-	Toàn xã

Ghi chú: TB: Trung bình; MT: Mất trắng (giảm >70% năng suất); DTN (+/-): Diện tích nhiễm tăng/giảm so kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước (CKNT).

BẢNG DIỆN TÍCH NHIỄM SINH VẬT GÂY HẠI MỚI PHÁT SINH TRONG KỲ

Tên dịch hại	DT nhiễm mới (ha)				DT mất trắng (ha)	DT phòng trừ (ha)
	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng		
Chuột	20	11	5	4		6
Bệnh khô vằn	23	12	5	6		23
Rầy nâu- RLT	2	2				2
Bệnh đen lép hạt	2	2				2
Bệnh chết héo	1	1				1
Bệnh khảm lá sắn	210	10	13	187		-
Bệnh chết cây keo	10	5	2	3		-